

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2020

“Vv: Tranh chấp HĐ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và bà Ngô Thị Như Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với:

1) Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết **T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Ngô Trọng **K** – Phó giám đốc Chi nhánh tỉnh Hòa Bình.

2) Bị đơn: Bà Nguyễn Thị **V**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: tổ 7, phường Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị **Th**. Nơi cư trú: tổ 7, phường Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông **K**, bà **V** có mặt tại phiên tòa. Bà **Th** có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng CSXH) trình bày:

Trên cơ sở nhu cầu vay vốn phục vụ kinh tế gia đình, ngày 05/7/2012 Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Hòa Bình có cho bà Nguyễn Thị **V** vay vốn theo chương

trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mục đích trồng keo với số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 05/7/2017, lãi suất là 0,9%/ tháng. Ngân hàng đã giải ngân và bà **V** đã nhận đủ số tiền trên. Đến thời điểm trả nợ do hộ vay chưa thu hoạch được cây trồng nên Ngân hàng đã cho gia hạn nợ 30.000.000 đồng đến ngày 05/7/2018.

Ngày 27/5/2014 bà **V** tiếp tục được Ngân hàng cho vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với số tiền vay là 12.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất là 1.04%/tháng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/5/2019.

Tuy nhiên, đến thời điểm trả nợ bà **V** đã không trả đúng hạn cả 02 chương trình vay vốn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền vay theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn sang nợ quá hạn từ ngày 05/7/2018. Đến ngày 07/01/2020 bà **V** đã trả được 3.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đối với chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Ngân hàng đã chuyển toàn bộ tiền vay trên sang nợ quá hạn từ ngày 07/5/2019. Từ đó đến nay Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc trả nợ nhưng bà **V** cố tình dây dưa, chây ỳ

Việc bà **V** cho rằng chỉ vay ngân hàng 25.000.000 đồng tiền vay theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn là không có căn cứ.

Tổng số tiền bà **V** còn nợ của Ngân hàng CSXH cả 02 chương trình vay, tạm tính đến ngày 10/9/2020 là: 44.449.390 đồng. Trong đó, nợ gốc là 39.000.000đ; nợ lãi là 5.449.390 đồng. Nay ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên buộc bà **V** phải trả cho Ngân hàng đủ cả gốc và lãi như nêu trên.

*2. Lời khai trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị **V** trình bày:*

Việc bà đứng ra vay của Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Hòa Bình khoản vay như đại diện Ngân hàng nêu là đúng. Bà **V** cũng xác nhận đã nhận đủ số tiền vay là 42.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền vay của chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn bà đã cho bà Nguyễn Thị **Th** – tổ trưởng tổ vay vốn vay lại 5.000.000 đồng. Bà cũng đã trả được ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.500.000 đồng và lãi suất hàng tháng. Do vậy đến nay bà chỉ nợ ngân hàng tổng số tiền gốc là 33.500.000 đồng, đồng thời bà yêu cầu phía ngân hàng giãn nợ cho bà.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị **Th** trình bày:*

Bà **Th** thừa nhận trong thời gian làm tổ trưởng tổ vay vốn, bà có vay “kế” 5.000.000 đồng từ khoản vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn của bà **V**. Bà cũng đã ghi vào sổ theo dõi để trả số nợ trên cho bà **V**. Nay, do điều kiện sức khỏe, bà **Th** không tham gia tố tụng được và đề nghị giải quyết số tiền 5.000.000 đồng bà đã nhận của bà Nguyễn Thị **V** bằng vụ kiện dân sự độc lập.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị **V** phải thanh toán trả Ngân hàng CSXH tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 10/9/2020. Bà **V** tiếp tục phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong khoản vay với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được giao kết và thực hiện tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và cũng là nơi cư trú của bị đơn. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hòa Bình.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành. Việc đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà **Th** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Th**.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng:

Thực hiện chương trình cho vay theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và vay giải quyết việc làm, năm 2012 và năm 2014, Ngân hàng CSXH chi nhánh tỉnh Hòa Bình đã 02 lần cho bà Nguyễn Thị **V** với tổng số tiền là 42.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 05/7/2012, Ngân hàng cho bà **V** vay số tiền 30.000.000đ. Thời hạn vay là 60 tháng (tới 05/7/2017 phải trả hết nợ). Về lãi và lãi suất, Ngân hàng áp dụng mức lãi suất là 10,80%/năm từ ngày vay đến ngày 30/7/2018; kể từ ngày 31/7/2018 áp dụng mức lãi suất là 14,04%/năm. Bà **V** đã trả được 3.000.000 đồng tiền gốc và 22.635.311 đồng tiền lãi của khoản vay này. Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (10/9/2020) là 5.309.888 đồng.

- Ngày 27/5/2014, Ngân hàng tiếp tục cho bà **V** vay số tiền 12.000.000đ. Thời hạn cho vay là 60 tháng (tới ngày 07/5/2019 phải trả hết nợ). Về lãi và lãi suất, Ngân hàng áp dụng mức lãi suất là 9,60%/năm kể từ ngày vay đến ngày 07/5/2019; kể từ ngày 08/5/2019, áp dụng mức lãi suất là 12,480%/năm. Bà **V** đã trả được 7.386.350 đồng tiền lãi của khoản vay này. Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (10/9/2020) là 139.502 đồng.

Thỏa thuận cho vay và lãi suất giữa Ngân hàng CSXH và bà **V** được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được các bên thừa nhận. Ngân hàng đã giải ngân cho bà **V** nhận đầy đủ số tiền như đã nêu trên.

Quá trình vay và thực hiện hợp đồng, bị đơn cho rằng đối với số tiền vay theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn 30.000.000 đồng, sau khi nhận tiền từ ngân hàng bà đã cho bà Nguyễn Thị **Th** – tổ trưởng tổ vay vốn, đại diện cho Ngân hàng CSXH vay lại luôn số tiền 5.000.000 đồng, nên bà **Th** có nghĩa vụ phải trả ngân hàng còn bà không có trách nhiệm trả số tiền này, đồng thời bà cũng đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.500.000 đồng và lãi suất hàng tháng. Do vậy đến nay bà chỉ nợ ngân hàng tổng số tiền gốc là 33.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm trên là không có căn cứ, bởi lẽ việc bà **V** cho bà **Th** vay lại 5.000.000 đồng, đây là một quan hệ dân sự độc lập giữa bà **Th** và bà **V**, không làm phát sinh, thay đổi nghĩa vụ trả nợ của bà **V** với Ngân hàng; bà **V** có quyền khởi kiện bà **Th** bằng vụ kiện dân sự khác. Bà **V** cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc bà đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.500.000 đồng.

Về tiền lãi, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bị chuyển sang nợ quá hạn, phù hợp với quy định của BLDS. Về lãi suất bà **V** có ý kiến vẫn chấp hành việc trả lãi đầy đủ theo hợp đồng. Căn cứ danh mục thông tin vay vốn do Ngân hàng cung cấp (BL 68), Tòa án xác nhận, tạm tính đến ngày 10/9/2020, bà **V** đã trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 30.021.661 đồng tiền lãi.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, do đó, buộc bà Nguyễn Thị **V** phải trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2020 là: 44.449.390 đồng. Trong đó, nợ gốc là 39.000.000 đồng; nợ lãi là 5.449.238 đồng.

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Kể từ ngày 11/9/2020, bà **V** còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; điểm d, khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Buộc ông bà Nguyễn Thị V phải thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2020 là: 44.449.390 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm chín mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng); nợ lãi là 5.449.238 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày 11/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải nộp 2.222.469 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS TPHB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Trường Sơn